TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
V/v : *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Tìm; 2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXX-ST ngày 24/ 9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 39 ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Đội 3, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1976. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Đội 4, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh H từ tháng 12 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do không tìm hiểu kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã sảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính tình, vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H, được sự động viên của gia đình và vì con cái nên chị đã xin rút đơn ly hôn, vợ chồng về đoàn tụ và sinh thêm một con nhưng cuộc sống chung vợ chồng vẫn căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị đã đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2018, vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hện tình cảm và kinh tế từ đó tói nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh

ngày 02/10/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 15/3/2018. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là công nhân viên Quốc phòng, lương bình quân 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh H; yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là Nguyễn Công T và cháu Nguyễn Công D, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Anh H vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình,

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị T được ly hôn anh H.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 02/10/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 15/3/2018 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không phải giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa. Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung hoặc tài sản chung, nợ chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của Pháp luật.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Minh H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào tháng 12/2008 là hôn nhân hợp pháp. Do không tìm hiểu kỹ nên vợ chồng không hợp tính tình, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H, được sự động viên của gia đình và vì con cái nên chị đã xin rút đơn ly hôn, vợ chồng về đoàn tụ và sinh thêm một con nhưng cuộc sống chung vợ chồng vẫn căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị đã đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2018, vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hện tình cảm và kinh tế từ đó tới nay. Bản thân anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, gửi các thông báo hợp lệ nhiều lần và đã đến tận gia đình nhưng anh H không đến Tòa án, không tiếp xúc cán bộ Tòa án tại nhà, chứng tỏ anh cũng không quan tâm tới gia đình và hạnh phúc gia đình, con cái. Các thông tin do địa phương cung cấp cũng thể hiện vợ chồng chị T anh H có nhiều mâu thuẫn. Do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 02/10/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 15/3/2018. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân (Tháng 8/2018) đến nay, cả hai cháu T và D vẫn sinh sống cùng chị T; cháu T có ý kiến xin ở cùng mẹ, cháu D mới hơn một tuổi; chị T có việc làm và thu nhập ổn định; bản thân anh H cũng không có ý kiến gì tới việc chăm sóc nuôi dưỡng con, chứng tỏ anh không quan tâm tới các con anh. Xét nên giao cả hai cháu T và D cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh H và chị T cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu T và cháu D, phù hợp với ý nguyện của cháu T là muốn được ở cùng chị T, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của Pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. **Về quan hệ vợ chồng:**

Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 02/10/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 15/3/2018.

Giao cả hai cháu Nguyễn Công T và Nguyễn Công D cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Anh H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung, nợ chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của Pháp luật.

4. **Về án phí**: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004035, ngày 07/8/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh H. Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh H, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Lương, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung